

CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CÁC NGÀY TRONG TUẦN /THÁNG: 12/2025 (TOÀN TRƯỜNG)

TỪ NGÀY 15/12 ĐẾN 19/12/2025

Ghi chú: Tổng số tiền ăn: 18.000/1hs/1 ngày (Trong đó: tiền thực phẩm: 12.400đ/ngày; Gia vị 600; bữa chiều 5.000/em thứ: 2,4 bánh mì; thứ: 3,5 Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml 5.000/em; thứ 6: Mì kokomi Đại 90: 5.000/em): (17 em x 20.000 = 306.000đ)

Ghi chú: Tổng số tiền ăn: 8.000/1hs/1 ngày (Trong đó: tiền thực phẩm: 2.400đ/ngày; Gia vị 600; bữa chiều 5.000/em thứ: 2,4 bánh mì; thứ: 3,5 Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml 5.000/em; thứ 6: Mì kokomi Đại 90: 5.000/em) (72 em x 8.000 = 576.000đ)

Ghi chú: Tổng số tiền ăn: 8.500/1hs/1 ngày (Trong đó: tiền thực phẩm: 7.500đ; 7.167.đ; 3.500đ/ngày bữa chiều 5.000/em của bản A Pa Chải, gia vị Tả Sú Linh: 1.333đ/em; Lý Mạ Tả 1.000đ/em thứ: 2,4 bánh mì; thứ: 3,5 Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml 5.000/em; thứ 6: Mì kokomi Đại 90: 5.000/em) (62 em x 8.500 = 527.000đ)

Số tiền ăn/ngày: 1.409.000đ

Tổng số ngày ăn/tháng : 20 ngày.

Số lượng học sinh	Thứ	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng cung cấp thực phẩm các bản						Tổng tiền ăn cả trường
				TKK+APC+PNK+TM	Tả Sú Linh	Lý Mạ Tả	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
95	Hai 15/12/2025	Thịt lợn móng vai (lại)	Kg	5,25	0,23	0,34	5,8	140.000	814.100	1.409.000
		Rau bắp cải	Kg	2,03	0,25	0,30	2,6	20.000	51.500	
		Bánh mì	Cái	86	5,0	5,0	96,0	5.000	480.000	
		Hành khô	Kg	0,2		-	0,2	40.000	8.000	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		47.400	4.000	4.000	55.400		55.400	
95	Ba 16/12/2025	Giò lợn (lại)	Kg	4,48	0,23	0,30	5,0	150.000	751.500	1.409.000
		Quả su su	Kg	2,13		0,20	2,3	20.000	46.600	
		Rau cải thảo	Kg	3,05	0,1	0,23	3,4	20.000	67.500	
		Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml	Hộp	86	5,0	5,0	96	5.000	480.000	
		Hành khô	Kg	0,2	-	-	0,2	40.000	8.000	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		47.400	4.000	4.000	55.400		55.400	
95	Tư 17/12/2025	Thịt lợn móng vai (lại)	Kg	5,25	0,2	0,34	5,8	140.000	814.100	1.409.000
		Quả bí đỏ	Kg	2,03	0,3	0,30	2,6	20.000	51.500	
		Bánh mỳ	Cái	86	5,0	5,0	96	5.000	480.000	
		Hành khô	Kg	0,20	-	-	0,2	40.000	8.000	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		47.400	4.000	4.000	55.400		55.400	
95	Năm 18/12/2025	Giò lợn (lại)	Kg	4,5	0,23	0,3	5,0	150.000	751.500	1.409.000
		Quả su su	Kg	2,1	-	0,20	2,3	20.000	46.600	
		Rau cải thảo	Kg	3,1	0,10	0,23	3,4	20.000	67.500	
		Sữa tươi tiệt trùng có đường mộc châu MILK 110ml	Hộp	86	5,0	5,0	96	5.000	480.000	
		Hành khô	Kg	0,2	-	-	0,2	40.000	8.000	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		47.400	4.000	4.000	55.400		55.400	
95	Sáu 19/12/2025	Thịt lợn móng vai (lại)	Kg	5,3	0,23	0,34	5,8	140.000	814.100	1.409.000
		Quả bí đỏ	Kg	2,0	0,25	0,30	2,6	20.000	51.500	
		Mì kokomi Đại 90	Gói	86	5,0	5,0	96	5.000	480.000	
		Hành khô	Kg	0,2	-	-	0,2	40.000	8.000	
		Gia vị, mì, mắm, súp, dầu ăn, nước rửa bát		47.400	4.000	4.000	55.400		55.400	

Kế toán

Vân Đoàn

